

Đức Như Lai nói kệ xong, bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy nên biết, tất cả các hành đều là vô thường. Ta nay thân thể dù là kim cương cũng không tránh khỏi vô thường biến đổi. Ở trong nẻo sanh tử thật là đáng sợ, các thầy nên siêng năng tinh tấn tu tập dốc mong mau ra khỏi biển lửa sanh tử ấy. Đây chính là lời dạy sau cùng của Ta. Thời gian Ta vào Niết-bàn đã đến.

Lúc ấy các thầy Tỳ-kheo và hàng trời, người nghe Phật dạy như thế thì cúi đầu buồn bã, than khóc, có người ngất xỉu ngã xuống đất. Đức Như Lai liền vì tất cả mà dạy:

–Các vị không nên buồn thương sầu não, tánh tướng của các hành đều là như vậy.

Bấy giờ Đức Như Lai liền vào định Sơ thiền, rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, rời Tứ thiền vào Không xứ, rời Không xứ vào Thức xứ, rời Thức xứ vào Vô sở hữu xứ, rời Vô sở hữu xứ vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rời Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì vào định Diệt tận.

Khi ấy, Tôn giả A-nan thấy Đức Như Lai lặng yên không nói, các chi thể nơi thân tướng lại không chuyển động, liền rơi nước mắt, nói:

–Đức Thế Tôn nay đã vào Niết-bàn.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Như Lai hiện giờ chưa vào Niết-bàn. Thân tướng Ngài vắng lặng không dao động chính là vì Ngài đang nhập định Diệt tận.

Khi ấy Đức Thế Tôn ra khỏi định Diệt tận, lại trở vào định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho đến theo thứ lớp vào lại Sơ thiền, lại rời Sơ thiền vào Nhị thiền, rời Nhị thiền vào Tam thiền, rời Tam thiền vào Tứ thiền, liền ở đấy mà vào Niết-bàn.

Bấy giờ Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với Tôn giả A-nan:

–Đức Thế Tôn đã vào Tứ thiền, ngay ở đấy mà nhập Niết-bàn.

Khi ấy Tôn giả A-nan và bốn bộ chúng nghe Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói như thế thì đều buồn bã, than khóc nghẹn ngào, không ai là không đau xót tột cùng. Các vị cùng than:

–Con mắt của thế gian đã mất, sao mà mau vậy! Tất cả chúng sanh từ nay về sau biết ai là người dẫn dắt? Hàng trời, người suy giảm, đường ác ngày càng tăng.

Khi ấy trên hư không, tám bộ chúng Trời, Rồng... đều thương khóc, nước mắt ràn rụa như mưa, cùng nhau than:

–Chúng ta từ nay lấy ai là người để quay về nương tựa, giống như trẻ thơ mất đi mẹ hiền. Ba đường ác ngày càng mở rộng, cửa giải thoát vừa khép kín. Tất cả chúng sanh chìm đắm trong biển khổ, cũng như người bệnh không có lương y, như kẻ đui mù không người dẫn dắt, chúng ta xa rời Đấng Pháp Vương Vô Thượng thì liền thấy giặc phiền não xâm phạm bức bách.

Than thở như thế rồi thì cùng buồn bã, sầu não không tự ngăn được. Lúc ấy, ở thành Cưu-thi-na, các vị Lực sĩ vốn đều tráng kiện giống như voi mạnh, thấy Đức Như Lai vào Niết-bàn thì tinh thần khốn khổ, như người mới mắc bệnh. Ngay lúc ấy, đại địa chấn động, trống trời tự vang lên, nước nơi bốn biển lớn sóng dậy cuộn cuộn, núi chúa Tu-di tự nhiên rung chuyển, gió cuốn, bão nổi, rừng cây nghiêng ngã, tan tác, xác xơ, rất lạ lùng, khác với sự thường.

Bấy giờ Đại Phạm thiên vương nói kệ:

*Quá khứ cùng vị lai  
Và ngay trong hiện tại  
Không có chúng sanh nào  
Là thoát khỏi vô thường.  
Như Lai, Đấng Tối thượng  
Thân kim cang bền chắc  
Còn không khỏi vô thường  
Hướng chỉ những người khác  
Tất cả các chúng sanh  
Mến tiếc bảo vệ thân  
Dùng hương hoa trang sức  
Không biết sẽ hủy diệt  
Như Lai thân sắc vàng  
Tướng hảo thật trang nghiêm.  
Rồi cũng đều xả bỏ.  
Để vào Bát-niết-bàn  
Đoạn dứt các phiền não  
Thành Bạc Nhất Thiết Trí  
Cũng còn chưa thoát khỏi  
Hướng kẻ bị buộc ràng!*

Trời Đế-thích liền nói kệ:

*Tánh tất cả các hành*

*Thật là pháp sanh diệt.  
Đấng Lương Túc tối thắng  
Rồi cũng về vắng lặng.  
Lửa tam độc bùng cháy  
Luôn thiêu đốt chúng sanh  
Không có mây đại bi  
Ai làm mưa khiến diệt?*

Tôn giả A-nậu-lâu-đà cũng nói kệ:

*Hôm nay Đức Thế Tôn  
Các căn không dao động  
Tâm ý hướng các pháp  
Mà xả bỏ thân này  
An nhiên dứt tư lự  
Cũng không còn các thọ  
Như dầu hết đèn tắt  
Như Lai diệt cũng vậy.*

Tôn giả A-nan cũng nói kệ:

*Đại địa bỗng chấn động  
Gió mạnh thổi bốn bề  
Biển nước sóng cuộn dâng  
Núi báu Tu-di chuyển  
Trời người tâm buồn đau  
Khóc than như mưa đổ  
Thầy đều rất lo sợ.  
Như bị phi nhân bắt  
Do Phật vào Niết-bàn  
Nên mới có việc ấy.*

Bấy giờ trong chúng có các vị Tỳ-kheo và trời người chưa đạt đạo thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, lòng sầu não, lăn lóc trên đất than khóc. Người đã đắc đạo thì than thở:

–Thế gian khổ vì vô thường; ai cũng đau buồn, thương khóc không thể tự kiểm chế.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà thấy thế bèn nói với các thầy Tỳ-kheo và hàng trời người:

–Các vị không nên sanh tâm buồn phiền sầu não. Đức Như Lai trước đã vì các vị nói rằng tánh tướng của các hành là như vậy, vì sao

lại còn buồn khóc?

Tôn giả A-nan nói với mọi người từ bốn phương xa đến:

–Đức Như Lai nay đã vào Niết-bàn rồi.

Mọi người nghe Tôn giả A-nan nói vậy đều buồn bã thương khóc, cất tiếng nghẹn ngào thưa với Tôn giả A-nan:

–Ở đây hiện quá đông người, trong khoảng ba mươi hai du-xà-na cũng đều kín chỗ. Mong Tôn giả sắp xếp theo thứ tự cho chúng tôi được đến gần trước Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường lần sau cùng. Như Lai ra đời rất khó gặp gỡ, như hoa Ưu-đàm-bát-la đứng thời mới hiện. Nay tự thân chúng tôi được ở tại chỗ Đức Phật vào Niết-bàn, kính mong thương xót để cho chúng tôi được nhìn thấy chiêm ngưỡng.

Tôn giả A-nan nghe mọi người nói như thế, bèn suy nghĩ: “Như Lai ra đời rất là khó gặp, được cúng dường sau cùng lại cũng rất khó. Ta nay nên sắp đặt cho những ai được cúng dường Phật trước? Nay nên cho các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được đến trước cúng dường thân Phật, vì những người ấy là thân nữ yếu đuối, xưa nay chưa chắc đã được đến chỗ Như Lai, do đó nên cho họ được tới lễ bái trước”. Nghĩ như vậy rồi liền gọi các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cho biết là họ được ưu tiên cho đến trước kim thân Đức Như Lai để chiêm ngưỡng, cúng dường.

Các vị Tỳ-kheo-ni cùng vô lượng các vị Ưu-bà-di đều đến chỗ Phật, trông thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn thì đều than khóc sâu khổ, lần lượt vây quanh lễ bái, lớp lớp cúng dường. Khi ấy có một vị Ưu-bà-di nghèo khổ, đã một trăm tuổi, thấy các vị Bà-la-môn và Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, các Lực sĩ cùng vợ, con quyến thuộc của họ, già trẻ lớn nhỏ, dùng hoa hương thơm quý lần lượt cúng dường. Tủi thân nghèo khó, chỉ riêng mình không được như ý nguyện, trong lòng suy nghĩ: “Như Lai ra đời rất khó gặp, cúng dường lần sau cùng lại cũng rất khó, mà nay ta thì cùng khổn, không lấy gì để tự tỏ bày”. Nghĩ như vậy rồi lại càng thêm xót xa, đi đến gần chân của Phật, tâm rất ảo não, khóc rơi nước mắt, làm bấn chân Phật, phát nguyện: “Nguyện cho con đời sau sanh ra chốn nào cũng thường được thấy Phật”.

Các Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di cúng dường xong, liền trở về chỗ cũ. Tôn giả A-nan lại báo khắp cho các người khác:

–Các vị Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di đã cúng dường xong, chư vị có thể trước sau thứ lớp vào viếng.

Lúc ấy mọi người lần lượt vào lễ bái, đi đến chỗ Phật, thấy Đức Như Lai đã vào Niết-bàn, thì đều kêu khóc thảm thiết, buồn thương vô hạn, rồi theo thứ lớp dâng các phẩm vật cúng dường. Bấy giờ các vị Lực sĩ nhóm họp lại, cùng bàn bạc: “Nay chúng ta phải làm lễ trà tỳ nhục thân của Như Lai như thế nào? Đức Như Lai khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy”. Bàn luận xong, họ cùng nhau đến hỏi Tôn giả A-nan:

–Chúng tôi nay muốn làm lễ trà tỳ nhục thân Đức Như Lai, vậy phương thức ấy như thế nào? Đức Thế Tôn khi sắp vào Niết-bàn chắc có để lại lời chỉ dạy, xin Tôn giả hướng dẫn cho.

Tôn giả A-nan nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Như Lai đã di giáo là cách thức trà tỳ nhục thân của Ngài cùng với vua Chuyển luân thánh vương không khác.

Tôn giả A-nan liền nói lại đầy đủ công việc mà Đức Phật đã chỉ dẫn truyền dạy. Các vị Lực sĩ nghe Tôn giả A-nan nói xong, liền cùng nhau sắm sửa đầy đủ các vật dụng dùng cho việc trà tỳ hết sức trang nghiêm. Trước tiên là tạo xe báu, chạm trổ đẹp đẽ trang nghiêm, rồi cung thỉnh nhục thân Như Lai để trên xe báu, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, ca tụng tán thán; ở trong lời nhạc giảng nói về các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh. Các vị Lực sĩ lại bạch Tôn giả A-nan:

–Như Lai nay đã vào Niết-bàn, được cúng dường lần sau cùng rất là khó gặp, chúng con xin cung thỉnh lưu lại nhục thân Như Lai trong bảy ngày bảy đêm để thỏa ý cúng dường, khiến cho tất cả hàng trời, người sống trong cõi sinh tử đều được an lạc.

Tôn giả A-nan đem lời của các vị Lực sĩ hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà, Tôn giả A-nậu-lâu-đà đáp:

–Lành thay! Tùy ý các vị ấy.

Tôn giả A-nan bèn bảo các vị Lực sĩ:

–Các vị được phép lưu lại nhục thân của Đức Phật trong bảy ngày bảy đêm để công việc cúng dường chiêm bái được mãn nguyện.

Các vị Lực sĩ nghe Tôn giả A-nan nói như thế, trong lòng tuy rất buồn mà lại cũng mừng vui, liền ở trong rừng bày biện các vật phẩm cúng dường đủ trong bảy ngày. Bấy giờ các vị Lực sĩ đem bông, mền mới và lụa mỏng quấn quanh nhục thân Đức Như Lai, sau đấy đặt vào trong kim quan. Trong kim quan ấy rải các bột hương ngưu đầu, chiên

đàn và các hoa thơm, rồi đem kim quan đặt trong quách bằng bạc, đem quách bằng bạc đặt trong quách bằng đồng, lại đem quách bằng đồng đặt trong quách bằng sắt, rồi đưa quách bằng sắt đó đặt trên xe báu, tấu các loại nhạc ca tụng tán thán. Chư Thiên trên hư không tung rải các thứ hoa Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa và trời nhạc trời lớp lớp liên tục cúng dường, sau đó, mỗi lần lượt hạ các lọng báu che kim quan xuống. Các vị Lực sĩ cùng nhau nói:

–Thời gian bảy ngày đã qua, chúng ta nên rước kim quan Đức Như Lai đi nhiều quanh thành, khiến cho dân chúng thỏa lòng cúng dường, sau đó sẽ dừng lại phía Nam của kinh thành để làm lễ trà tỳ.

Nói xong họ cùng nhau rước kim quan Đức Như Lai, nhưng đã đem hết sức lực mà nhấc vẫn không lên được. Mọi người đều kinh hãi, cho là điều kỳ lạ không biết vì lý do gì, liền đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Chúng tôi cùng nhau muốn rước kim quan của Phật đi nhiều quanh thành, trở về cửa thành phía Nam để cúng dường và làm lễ trà tỳ, dù đã vận dụng hết sức lực mà vẫn không thể nâng lên, chẳng rõ việc này là như thế nào? Xin Tôn giả chỉ dạy cho chúng tôi.

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói với họ:

–Sở dĩ như vậy là vì chư Thiên trên hư không muốn thỉnh kim quan của Phật đi nhiều quanh thành, từ cửa phía Bắc rước vào đặt chính giữa thành, nhận các phẩm vật cúng dường của trời người, sau đấy thì từ phía Đông đi ra, đến tại nơi khu vực bảo tháp nổi tiếng mà làm lễ trà tỳ.

Các vị Lực sĩ nghe lời giải thích như thế thì cùng nhau nói:

–Ý của chư Thiên như vậy cũng nên thuận theo.

Các vị ấy liền thỉnh kim quan của Phật đi nhiều quanh thành một vòng, từ cửa phía Bắc lần lượt đi vào đặt ở chính giữa thành, để cho hàng trời người được cúng dường thỏa nguyện, trời các khúc nhạc vi diệu, đốt hương rải hoa, ca tụng tán thán. Chư Thiên ở trên không tung rải vô số các hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, cùng tấu vô số các khúc nhạc trời để cúng dường. Cúng dường xong, họ liền thỉnh kim quan từ cửa thành phía Đông đi ra đến chỗ khu vực đền tháp báu nổi tiếng. Đến nơi, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng... tám bộ chúng, tất cả đều thương cảm, nghẹn ngào không thể tự kiềm chế, cùng nhau gom các loại gỗ quý người

đầu, chiên đàn và những thứ gỗ thơm khác chất thành đồng, lại ngay nơi đồng gỗ thơm trải tấm lụa dày, căng màn báu lớn để che ở trên, khiêng bảo quan đi nhiều quanh đồng gỗ thơm bảy vòng, đốt hương rải hoa, tấu các thứ kỹ nhạc, rồi đem bảo quan đặt trên đồng gỗ thơm ấy, dùng dầu thơm quý rưới lên trên. Bảy giờ bốn bộ chúng cùng chư Thiên, loài người đều lưu luyến bồi hồi, xót xa, không thể tự kiềm chế, liền từ dưới châm lửa đốt nhưng lửa không cháy được, châm đốt như vậy cho đến ba lần cũng vẫn như thế. Khi ấy mọi người đem việc này hỏi Tôn giả A-nậu-lâu-đà:

–Vì sao ba lần đốt đồng củi thơm mà vẫn không cháy?

Tôn giả A-nậu-lâu-đà nói:

–Sở dĩ như vậy là vì Tôn giả Ma-ha Ca-diếp đang ở nước Đạc-xoa-na-kỳ-lợi nghe tin Đức Như Lai sắp vào Niết-bàn liền cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo từ nước ấy vội trở về để được trông thấy Đức Thế Tôn lần cuối cùng. Vì vậy Đức Như Lai đã khiến cho lửa không cháy.

Mọi người nghe nói như vậy thì đều khen là việc rất đặc biệt, kỳ lạ.

Lúc này Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở tại nước Đạc-xoa-na-kỳ-lợi, từ nơi xa nghe tin Đức Như Lai tại thành Cưu-thi-na sắp vào Niết-bàn, trong lòng vô cùng buồn thương nhớ tưởng, bèn cùng với năm trăm thầy Tỳ-kheo vội vã lên đường trở về, còn cách thành không xa, nhưng thân thể quá mệt mỏi, nơi ở bên đường, cả đoàn tạm ngồi nghỉ bên gốc cây. Chợt thấy một ngoại đạo tay cầm cành hoa Mạn-đà-la, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp liền hỏi:

–Hiền giả từ đâu lại?

Vị ấy đáp:

–Tôi từ thành Cưu-thi-na lại.

Tôn giả Ca-diếp lại hỏi:

–Hiền giả có biết thầy tôi là Bạc Ứng Cúng Chánh Biến Tri không?

Vị kia liền nói:

–Biết, thầy của Tôn giả ở giữa hai cội cây trong rừng Sa-la, tại thành Cưu-thi-na, vào Niết-bàn nay đã bảy ngày. Vừa rồi, chính tại khu vực đền tháp báu nổi tiếng sắp làm lễ trà tỳ, trời người đông đủ cùng nhau cúng dường, tôi ở chỗ ấy nên có được cành hoa trời này.

Tôn giả Đại Ca-diếp nghe nói như vậy thì đau buồn nghẹn ngào.

Các thầy Tỳ-kheo đều ưu sầu, vật vã, có người ngất xỉu ngã trên đất, cùng nhau than thảm: “Ôi thôi, khổ thay! Con mắt của thế gian đã mất!”. Tôn giả Đại Ca-diếp an ủi:

–Các thầy không nên quá sầu khổ như thế. Tánh chất và hình tướng của các hành đều như vậy. Đức Như Lai, Đấng Tôn quý bậc nhất còn không tránh khỏi huống chi là kẻ khác. Nên siêng năng cầu mong xa lìa nỗi khổ ở đời. Nay chúng ta mau lên đường đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng kia để lễ bái chiêm ngưỡng.

Khi ấy trong chúng có mấy vị Tỳ-kheo lớn tuổi xuất gia, ngu si kém hiểu biết cùng nói:

–Khi Phật còn ở đời luôn ngăn cấm khiến trách chúng ta không được buông lung tâm ý, nay Phật đã vào Niết-bàn rồi thì khỏi bị rầy la nữa, còn gì thích thú bằng.

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp cùng các thầy Tỳ-kheo tiến về thành Cư-thi-na, đến khu vực đền tháp báu nổi tiếng, trông thấy kim quan Đức Như Lai đặt trên đồng củi thơm thì đều than khóc nước mắt tuôn trào, cùng đi nhiễu quanh đầy bảy vòng rồi bước lên đồng củi thơm đến sát chỗ đặt kim quan, nơi phía dưới phần chân của Đức Như Lai kêu gào khóc than, cung kính đánh lễ. Khi ấy Đức Như Lai từ trong kim quan để lộ ra hai chân. Tôn giả Ca-diếp thấy thế càng tăng thêm buồn sợ. Các hàng trời, người thấy việc kỳ lạ đặc biệt hy hữu như vậy ai cũng thở than, càng thêm buồn khổ lưu luyến. Tôn giả Ca-diếp nhận thấy trên chân Phật có chấm bẩn liền quay lại hỏi Tôn giả A-nan:

–Trên chân Đức Như Lai do nhân duyên gì mà có vết bẩn này?

Tôn giả A-nan đáp:

–Đức Như Lai khi mới vào Niết-bàn, bốn bộ chúng có mặt rất đông. Khi ấy tôi suy nghĩ: “Nếu để đại chúng cùng một lúc tiến hành lễ bái, những người nữ yếu đuối không chắc được đến trước Phật”, liền chấp thuận cho các chúng Tỳ-kheo-ni và Ưu-bà-di được ưu tiên đến chỗ Đức Như Lai để lễ bái, cúng dường. Lúc ấy, có một vị Ưu-bà-di nghèo khó, đã một trăm tuổi, thấy các hàng Bà-la-môn, Sát-lợi, Trưởng giả, Cư sĩ, Lực sĩ cùng vợ con quyến thuộc của họ, già trẻ, lớn nhỏ đều đem các đủ loại hương hoa vi diệu cúng dường, thì bà ấy tủi thân nghèo khổ, không có gì để biểu lộ lòng thành, nghĩ như vậy nên càng buồn thương, đến chỗ chân Đức Phật lòng thêm áo nã khóc than rơi nước mắt khiến nơi chân Đức Như Lai có vết dơ.



Tôn giả Ca-diếp nghe nói như vậy trong lòng không vui, quở trách Tôn giả A-nan không lo liệu ngăn ngừa để đến nỗi có vết bẩn ấy. Rồi Tôn giả dùng hương hoa cúng dường kim quan của Đức Phật, lễ bái tán thán thấy đều hoàn tất, khi ấy hai chân của Đức Như Lai tự nhiên thâu vào. Tôn giả Ca-diếp liền bước xuống đất. Do thần lực của Phật, đồng củi thơm tự nhiên cháy, bốn mặt lửa bốc lên, trải qua bảy ngày kim quan mới cháy hết. Lúc ấy chư Thiên bèn rưới mưa dập tắt ngọn lửa, các vị Lực sĩ lo việc thâu nhật xá-lợi. Do ngàn lớp lụa quấn quanh nhục thân Phật, lớp trong cùng và một lớp ở ngoài chưa cháy còn như cũ cũng bọc xá-lợi ở trong. Cùng lúc, chư Thiên từ hư không tung rải vô số các loại hoa thơm đẹp và tấu kỹ nhạc ca tụng tán thán cúng dường xá-lợi. Bấy giờ tất cả đại chúng có mặt cùng các vị Lực sĩ đều bày các thứ phẩm vật để cúng dường. Các vị Lực sĩ liền dùng bình bằng vàng thu nhật xá-lợi, đặt trên xe báu đốt hương rải hoa, tấu các loại kỹ nhạc, rước trở về thành, dựng lầu cao lớn đem bình đựng xá-lợi ấy đặt ở trên lầu, lại sai bốn loại binh chủng lo công việc giữ gìn, chỉ chấp nhận cho các thầy Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni vào lễ bái, thứ lớp cúng dường. Ngoài ra, các bậc Quốc vương, Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, tất cả dân chúng đều không cho đến trước nơi để xá-lợi.

Bấy giờ vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi nghe tin các vị Lực sĩ kia thâu nhận xá-lợi của Phật để trên lầu cao, lại còn dùng đến bốn thứ quân binh để đốc lo việc phòng vệ, giữ gìn, thì lòng rất buồn phiền, lại cũng tức giận các vị Lực sĩ kia, liền sai người thân tín đến nói với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn khi còn ở đời cũng là thầy của tôi, khi Ngài vào Niết-bàn, tôi rất ân hận vì không được gặp. Tôi cùng Đức Thế Tôn đều là giòng Sát-đế-lợi, các vị sao riêng thu nhật xá-lợi đem để nơi lầu cao lại còn bố trí bốn thứ quân binh lo phòng vệ, giữ gìn không phân chia cho người khác? Các vị nên phân chia cho tôi một phần, vì tôi muốn xây dựng tháp cao đẹp ở trong nước để cùng cúng dường. Nếu có thể ưng thuận như trên thì sự giao hảo giữa hai nước luôn luôn tốt đẹp, còn không thì sẽ đem binh trừng phạt các vị.

Ngoài ra, bảy quốc vương, các vị Ly-xa ở thành Tỳ-da-ly... đều sai sứ giả đến bày tỏ việc xin chia phần xá-lợi và cách xử sự cũng đều như vậy.

Bấy giờ các hàng Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ cũng đều sai người thân tín đến thưa với các vị Lực sĩ:

–Đức Thế Tôn là thầy của chúng tôi, xin thương xót phân cho chúng tôi phần xá-lợi.

Lúc ấy sứ giả của các nước đi đến chỗ các vị Lực sĩ trình bày đầy đủ ý nguyện của vua nước họ. Các vị Lực sĩ nghe thế trong lòng bất bình, trả lời các sứ giả:

–Đức Phật đến nước chúng tôi mà vào Niết-bàn, xá-lợi tự nhiên phải thuộc về chúng tôi. Nếu muốn ở cõi nước khác cùng tạo bảo tháp trang nghiêm để cúng dường, thì việc ấy không thể được. Khi bảo tháp ở đây hoàn thành, mặc tình các vị có thể thích thú cùng đến đây để cúng dường lễ bái. Còn nếu muốn dấy binh để được vào chốn này trước thì quân và dân nước chúng tôi cũng đủ sức lo liệu để chống lại.

Các vị sứ giả đều trở về nước mình, mỗi người đều trình bày lên vua sự việc như vậy. Các vị vua nghe xong trong lòng càng giận dữ, đều chỉnh đốn các loại binh mã kéo đến công phạt. Lúc ấy, các vị Lực sĩ cũng sửa sang chiến cụ để chống lại kẻ địch.

Bấy giờ trong thành Cưu-thi-na có một vị Bà-la-môn tên Đồ-lô-na là hàng thông minh trí tuệ, tin tưởng nơi Tam bảo, bèn tự nghĩ: “Quốc vương tám nước kia và các vị Ly-xa, sức lực tráng kiện, binh chúng tinh nhuệ. Vả lại, các vị Lực sĩ dù dũng mãnh cũng khó địch nổi, nếu đánh nhau thì sẽ khó bảo toàn”. Nghĩ như vậy rồi, ông liền bàn với các vị Lực sĩ:

–Các vị tuy rất dũng mãnh, nhanh nhẹn, quả cảm, nhưng tám quốc vương kia chung sức đồng lòng, thì binh số đông đảo, quân trận hùng mạnh, nếu chiến đấu sẽ không tránh khỏi thất bại. Khí thế hai bên đều quyết liệt, khí giới sắc bén, khi đã giao tranh tất có tổn thương, tàn hại. Đức Như Lai khi còn ở đời đã dạy mọi người thực hành từ bi mà ngày nay bỗng đứng cùng nhau sát phạt. Các vị cũng không nên tham tiếc xá-lợi, nên phân chia cho các nước và những vị Ly-xa... Mỗi quốc vương đều ở nơi lãnh thổ của mình mà tạo dựng bảo tháp, mới hợp với lời dạy xưa kia của Đức Thế Tôn, lại cũng khiến cho các vị đều được phước lợi.

Các vị Lực sĩ nghe lời khuyên như vậy, tâm ý được thông tỏ liền đáp:

–Lời của ông nói thật hợp lý, xin thuận theo ý kiến của ông.

Bà-la-môn Đồ-lô-na khi thấy các vị Lực sĩ đã bãi bỏ việc quân binh, liền ra ngoài thành nói với các đức vua:

– Các vị nay vì việc gì mà dấy binh?

Các vua đáp:

– Chúng tôi vì pháp, nên từ xa đến cầu thỉnh xá-lợi nhưng bị chống cự, không chịu phân chia, vì vậy nay chúng tôi kéo binh cùng đến.

Bà-la-môn Đô-lô-na lại nói với các vị vua:

– Chúng tôi đã cùng nhau bàn luận là muốn cầu hòa, các vị Lực sĩ sẽ phân chia xá-lợi cùng với quý vị. Các vị hãy dùng bình báu để đựng, tôi sẽ vì quý vị mà phân chia.

Tám vị quốc vương nghe nói như thế đều vui mừng, cùng trao bình vàng. Bà-la-môn Đô-lô-na nhận các bình vàng đem vào thành, ở trên lầu cao mà phân chia xá-lợi, rồi giao lại cho tám vị quốc vương. Lúc ấy, các vị vua đã được phần xá-lợi, đều vui mừng phấn khởi, cung kính đem về nước mình, đều tạo dựng bảo tháp. Bà-la-môn Đô-lô-na theo các vị Lực sĩ xin cái bình đã phân xá-lợi để tự tạo tháp thờ. Các vị Lực sĩ lấy phần xá-lợi của mình ở ngay nơi chỗ trà tỳ, hợp với tro than còn lại để tạo dựng bảo tháp phụng thờ. Như vậy là gồm có tất cả mười chỗ tạo tháp để tôn thờ xá-lợi.

Đức Như Lai từ khi sắp vào Niết-bàn, khi vào Niết-bàn cho đến lúc trà tỳ, tạo dựng bảo tháp phụng thờ xá-lợi, sự việc diễn biến là như vậy.

Sau đó Tôn giả Đại Ca-diếp cùng Tôn giả A-nan và các thầy Tỷ-kheo ở tại thành Vương xá đã kết tập ba tạng kinh điển.

